

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
CỦA HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Ninh Hải, tháng 8 năm 2021

Mở đầu

Luật Đất đai năm 2013 tại Điều 22 quy định Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 1 trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai; Là cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, làm căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Luật Quy hoạch quy định lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thuộc danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

Thực hiện chỉ đạo UBND huyện Ninh Hải, Phòng Tài nguyên & Môi trường đã phối hợp với Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp miền Trung lập QHSDD đến năm 2030 của huyện Ninh Hải.

1. Đánh giá kết quả thực hiện ĐCQHSDĐ đến năm 2020

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu QHSDD đến năm 2020

So sánh các chỉ tiêu ĐCQHSDĐ đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận với thống kê đất đai năm 2020 cho thấy kết quả thực hiện các chỉ tiêu ĐCQHSDĐ đến năm 2020 của huyện Ninh Hải như sau:

- Đất nông nghiệp: Chỉ tiêu đất nông nghiệp đến năm 2020 theo ĐCQHSDĐ được phê duyệt là 20.397,12ha; thống kê đất đai năm 2020 có 20.947,25ha; so với kế hoạch cao hơn 550,13 ha. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp theo ĐCQHSDĐ được duyệt (không phải do khai hoang, mở rộng diện tích đất nông nghiệp).

- Đất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu QH đất phi nông nghiệp được phê duyệt là 4.271,77 ha; thống kê đất đai năm 2020 có 3.565,21 ha, chỉ đạt 83,47%, thấp hơn 706,56 ha. Nguyên nhân do có nhiều công trình, dự án có quy mô lớn chưa thực hiện như Khu đô thị mới ven Đầm Nại, Khu đô thị mới Khánh Hải, các Tiểu dự án thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn Phước Nhơn, Nhơn Hải Thanh Hải, các khu dân cư Đồng Miếu, Đồng Giữa, KDC 3/2,...

- Đất chưa sử dụng: theo QHSDD được phê duyệt diện tích đất chưa sử dụng còn lại 689,2ha; thống kê năm 2020 có 845,62 ha, cao hơn 276,77 ha.

b) Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp 215,55 ha; so với chỉ tiêu được duyệt chỉ đạt 28,03%, thấp hơn 553,55 ha.
- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 75,27 ha, so với chỉ tiêu được duyệt đạt 84,22%, thấp hơn 14,1 ha.
- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 0,37 ha, so với chỉ tiêu được duyệt chỉ đạt 2,55%, thấp hơn 14,16 ha.

Nguyên nhân chủ yếu do có nhiều công trình dự án có quy mô lớn chưa thực hiện nên kết quả chuyển mục đích sử dụng đất đạt tỷ lệ thấp so với kế hoạch được phê duyệt.

c) Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

- Đất chưa sử dụng vào sử dụng cho đất nông nghiệp 241,94 ha; so với chỉ tiêu được duyệt chỉ đạt 60,73%, thấp hơn 156,46 ha.
- Đất chưa sử dụng vào sử dụng cho đất phi nông nghiệp thực hiện được 40,75 ha; so với chỉ tiêu được duyệt chỉ đạt 39,48%, thấp hơn 62,46 ha.

2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

a) Những mặt đạt được

- Tiềm năng đất dành cho sản xuất nông nghiệp được khai thác khá hiệu quả với các mô hình luân canh lúa + màu trên đất trồng lúa, trồng hành, tỏi, trồng nho, táo.
- Quỹ đất cho phát triển lâm nghiệp cũng được khai thác tốt, nhất là khoanh nuôi bảo vệ rừng; khai thác tiềm năng du lịch trong khu vực rừng đặc dụng. Công tác trồng rừng phòng hộ môi trường khu vực Đầm Nai được quan tâm, đến năm 2020 đã trồng mới 37,92 ha rừng ngập mặn, tạo môi trường sinh thái cho ác loài thủy sản phát triển thuận lợi.
- Đất phi nông nghiệp được sử dụng đúng yêu cầu, mục đích sử dụng, đặc biệt là các dự án phát triển du lịch sinh thái, khai thác cảnh quan bờ biển đẹp với cảnh hoang sơ của Vườn quốc gia Núi Chúa ngày càng được các nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm đầu tư phát triển. Nguồn thu từ đất đai đã góp phần thực hiện đầu tư được nhiều khu dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và nông thôn.

b) Những tồn tại và nguyên nhân

- Thời gian lập, trình phê duyệt ĐCQHSDĐ đến năm 2020 của huyện Ninh Hải đã phải kéo dài 3 năm, triển khai từ năm 2016 nhưng đến năm 2018 mới được phê duyệt và sau đó phải 2 lần điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch phần nào đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp chưa đạt mục tiêu quy hoạch.
- Có nhiều dự án chưa triển khai thực hiện đã ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện như: đất cụm công nghiệp Tri Hải và đặc biệt là các dự án xây dựng khu đô thị mới Khánh Hải, khu đô thị Ven Đầm Nại chưa thu hút được các nhà đầu tư nên chưa có đột phá lớn để khai thác tốt hơn nữa tiềm năng đất đai của huyện.
- Nguyên nhân chính là do điều chỉnh quy hoạch phát triển của ngành điện với sự thay đổi lớn là tạm dừng các dự án phát triển nhà máy điện hạt nhân tại địa bàn tỉnh Ninh Thuận, chuyển hướng sang phát triển điện gió và điện mặt trời. Với sự thay đổi đó dẫn đến công tác lập ĐCQHSDĐ của huyện Ninh Hải phải kéo dài đến tháng 4 năm 2020 mới kết thúc.
- Bên cạnh đó theo quy định của thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 2 tháng 6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện phải dựa trên cơ sở chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh được Chính Phủ ban hành Nghị quyết thông qua sau đó mới phân bổ cho cấp huyện, đã làm ảnh hưởng đến thời gian lập, trình phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

3. Bài học kinh nghiệm

- Phải thực hiện tốt công tác đánh giá, dự báo, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có sự thay đổi nhu cầu sử dụng đất thì phải lập Điều chỉnh quy hoạch.
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch: Các quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh đã được sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến quy hoạch có thể lập đồng thời. Quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn.

4. Những cơ sở xác định nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch 2021-2030

- Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện; Quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.
- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông thôn mới huyện Ninh Hải đến năm 2040; Điều chỉnh cục bộ nội dung Đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Khánh Hải; Điều chỉnh nội dung Đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Thanh Hải;
- Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 các khu đô thị: khu đô thị ven Đầm Nại; khu đô thị mới Khánh Hải; Chính trang khu dân cư Khánh Hải; Khu tương Niệm Bác Hồ tại thị trấn Khánh Hải;
- Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 các khu dân cư nông thôn đã được phê duyệt;
- Phạm vi ranh giới các khu dân cư đưa vào Quy hoạch chính trang tỷ 1/500, bao gồm: Khu dân cư An Nhơn xã Xuân Hải; Khu dân cư AN Hòa+Thành Sơn xã Xuân Hải; Khu dân cư Hộ Diêm xã Hộ Hải, Khu dân cư Thủy lợi xã Tân Hải; Khu dân cư Phương Cự 3 xã Phương Hải; Khu dân cư Tri Thủy 2 (Bắc suối Rách) xã Tri hải; Khu dân cư Mỹ Hiệp, Mỹ Phong xã Thanh Hải; Khu dân cư Mỹ Hòa xã Vĩnh Hải; Khu dân cư Đá Hang và thôn Cầu Gãy xã Vĩnh Hải,
- Dự báo dân số, số hộ phát sinh có nhu cầu bố trí đất ở, số lượng học sinh các cấp và nhu cầu về đất cơ sở y tế, văn hoá, giáo dục, thể dục - thể thao nhằm đạt các tiêu chí xây dựng huyện nông thôn mới.

5. Danh mục công trình dự án sử dụng đất trong kỳ quy hoạch 2021-2030

- Dự án mục đích quốc phòng, an ninh: có 9 dự án/ 3,46ha;
- Dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận có 16 dự án/659,66ha;
- Công trình, dự án do HĐND tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất có 120 dự án/ 2.781,32ha;
- Khu vực cần giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư có 30 dự án/ 57,72ha.

Danh mục công trình dự án sử dụng đất trong kỳ quy hoạch 2021-2030 cụ thể như sau:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
I	Công trình, dự án trong quy hoạch cấp tỉnh	663,12	431,84	211,28	123,40	97,16	Ninh Hải
I.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	3,46	3,46	0,00	0,20	3,26	Ninh Hải
-	Thao trường huấn luyện	2,28	2,28			2,28	Hộ Hải
-	Trụ sở công an xã Tri Hải	0,13	0,13			0,13	Tri Hải
-	Trụ sở công an xã Nhơn Hải	0,16	0,16			0,16	Nhơn Hải
-	Trụ sở công an xã Vĩnh Hải	0,20	0,20		0,20		Vĩnh Hải
-	Trụ sở công an xã Hộ Hải	0,13	0,13			0,13	Hộ Hải
-	Trụ sở công an xã Xuân Hải	0,11	0,11			0,11	Xuân Hải
-	Trụ sở công an xã Tân Hải	0,23	0,23			0,23	Tân Hải
-	Trụ sở công an xã Phương Hải	0,12	0,12			0,12	Phương Hải
-	Trụ sở công an xã Thanh Hải	0,10	0,10			0,10	Thanh Hải
I.2	Công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận	659,66	428,38	211,28	123,20	93,90	Ninh Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
-	Dự án phát triển vùng trồng nho tập trung khu vực thôn Thành Sơn xã Xuân Hải (đất trồng lúa)	128,40	128,40	124,81		3,59	Xuân Hải
-	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp Vĩnh Hy (khu Bãi Hồm - đã được Thủ tướng chấp thuận)	52,45	6,00		6,00		Vĩnh Hải
-	Dự án Khu du lịch Vĩnh Hy Garden Bay	4,23	4,23		4,23		Vĩnh Hải
-	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Top Resort Ninh Thuận	8,40	0,86		0,86		Vĩnh Hải
-	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp Bãi Hời	26,97	6,00		6,00		Vĩnh Hải
-	Khu nghỉ dưỡng cao cấp Vĩnh Hy	68,80	12,00		12,00		Vĩnh Hải
-	Khu du lịch cao cấp cấp Vĩnh Hải (T&T)	79,55	19,89		19,89		Vĩnh Hải
-	Dự án khu du lịch sinh Bãi Cóc trong + Bãi Cóc ngoài	9,92	9,00		9,00		Vĩnh Hải
-	Dự án khu Reort Vườn san hô	47,94	9,00		9,00		Vĩnh Hải
-	Khu dân cư phía Tây Bắc núi Đá Chồng	62,93	62,93	23,20		39,73	Khánh Hải
-	Khu đô thị sinh thái du lịch biển Vĩnh Hy	86,00	86,00	10,87	25,69	49,44	Vĩnh Hải
-	Xây dựng hồ Vĩnh Hy	19,60	19,60		19,60		Vĩnh Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
-	Xây dựng hồ Suối Sâu	4,27	4,27		4,27		Vĩnh Hải
-	Xây dựng hồ Thái An	3,53	3,53		3,53		Vĩnh Hải
-	Xây dựng hồ Rẻ Quạt	3,13	3,13		3,13		Vĩnh Hải
-	Đường sắt tốc độ cao	53,54	53,54	52,40		1,14	Tân Hải, Hộ Hải
II	Công trình, dự án khác	2 933,90	2 556,83	71,31	1,00	2 484,57	
II.1	Công trình, dự án do HĐND tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất (theo Điều 62 của Luật đất đai 2013)	2 781,32	2 504,21	69,21	1,00	2 434,00	
a	Đất giao thông						
-	Nâng cấp mở rộng đường giao thông khu phố Ninh Chữ 1	0,04	0,04			0,04	Khánh Hải
-	Đường đi bộ ven biển KDL Ninh Chữ - Bình Sơn (Giai đoạn 6)	0,56	0,56			0,56	Khánh Hải
-	Đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận	30,30	30,30	6,29		24,01	Xuân Hải, Tân Hải, Phương hải, Tri Hải, Nhơn Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
-	Dự án tuyến đường kết nối vào Dự án khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp Hòn Đỏ	1,50	1,50			1,50	Thanh Hải
-	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 704 (gồm cả khu Tái định cư)	9,84	9,84	8,31		1,53	Khánh Hải
-	Đoạn 1 đường tỉnh 703	8,31	8,31	4,46		3,85	Xuân Hải
-	Bến thủy nội địa - Thái An	0,50	0,50			0,50	Vĩnh Hải
-	Nâng cấp và mở rộng cảng cá Mỹ Tân	10,00	10,00			10,00	Thanh Hải
-	Dự án Cảng biển Ninh Chữ	158,14	158,14			158,14	Tri Hải
-	Bến xe nội tỉnh (2 bến)	0,10	0,10			0,10	Thanh Hải, Vĩnh Hải
-	Đường vào cụm công nghiệp Tri Hải	10,00	10,00			10,00	Tri Hải
-	Đường trục sản xuất thôn Gò Thao	0,53	0,53	0,35		0,18	Tân Hải
-	Xây dựng mới 3 tuyến đường kết nối trong khu vực sản xuất	4,15	4,15			4,15	Vĩnh Hải
b	Đất thủy lợi						
-	Tu sửa mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn (Hệ thống cấp nước Mỹ Tường)	0,20	0,20			0,20	Nhon Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất			Địa điểm	
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng		Đất khác
-	Nâng cấp mở rộng Khu neo đậu tránh trú bão Ninh Chữ.	1,67	1,67			1,67	Tri Hải
-	Kè chống sạt lở bờ biển, bảo vệ dân cư khu vực xã Nhơn Hải đến xã Thanh Hải (giai đoạn 2)	6,00	6,00			6,00	Nhơn Hải
-	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn - Phước Nhơn	28,90	28,90	2,86		26,04	Xuân Hải
-	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Nhơn Hải-Thanh Hải	14,60	14,60	0,36		14,24	Nhơn Hải, Thanh Hải
-	Cơ sở hạ tầng khu du lịch Vĩnh Hy	3,83	3,83			3,83	Vĩnh Hải
-	Dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước tạo nguồn bền vững dọc Kênh Bắc (An Hòa-Ba Tháp) tỉnh Ninh Thuận	0,42	0,42	0,42		0,00	Xuân Hải
-	Cải tạo nâng cấp kênh tiêu Lê Đình Chinh	10,00	10,00	1,20		8,80	Hộ Hải
-	Hệ thống tiêu thoát lũ Mỹ Tường - Khánh Nhơn	12,00	12,00			12,00	Nhơn Hải
-	Xây dựng đê biển khu vực Nhơn Hải	5,20	5,20			5,20	Nhơn Hải
-	Đê bao Đầm Nại đoạn từ cầu Tri Thủy đến	5,12	5,12			5,12	Khánh Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
	Núi Cà Đú						
-	Đê biển Mỹ Hiệp - Mỹ Tân	3,00	3,00			3,00	Thanh Hải
-	Đê biển Mỹ Tân - Mỹ Hòa kết hợp lấn biển	10,00	10,00			10,00	Thanh Hải, Vĩnh Hải
-	Cột thu lôi chống sét thôn Gò Đền, xã Tân Hải	0,01	0,01	0,01		0,00	Tân Hải
-	Cột thu lôi chống sét xã Nhơn Hải	0,01	0,01			0,01	Nhơn Hải
-	Cột thu lôi chống sét thôn Thành Sơn, xã Xuân Hải	0,01	0,01			0,01	Xuân Hải
-	Cột thu lôi chống sét thôn Khánh Tân, xã Nhơn Hải	0,01	0,01			0,01	Nhơn Hải
-	Cột thu lôi chống sét thôn Phước Sơn, xã Xuân Hải	0,01	0,01			0,01	Xuân Hải
-	Cột thu lôi chống sét thôn An Hòa, xã Xuân Hải	0,01	0,01			0,01	Xuân Hải
-	Cột thu lôi chống sét khu phố Cà Đú, TT Khánh Hải	0,01	0,01			0,01	Khánh Hải
-	Cột thu lôi chống sét khu phố Khánh Sơn 2, TT Khánh Hải	0,01	0,01			0,01	Khánh Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
-	Cột thu lôi chống sét thôn Khánh Phước, xã Nhơn Hải	0,01	0,01			0,01	Nhơn Hải
-	Xây dựng mới kè chắn sóng thôn Thái An	0,41	0,41			0,41	Vĩnh Hải
-	Xây dựng mới kè chống lũ thôn Thái An	0,65	0,65			0,65	Vĩnh Hải
	Xây dựng bờ tràn kết hợp kè trong thôn Thái An	0,47	0,47			0,47	Vĩnh Hải
	Đầu tư nâng cấp ao Bầu Tró và xây dựng hệ thống dẫn nước từ suối Hố Quạt về ao Bầu Tró.	9,71	1,00		1,00	0,00	Vĩnh Hải
c	Đất công trình năng lượng						
-	Điện gió Đầm Nại 4	4,35	4,35	4,35		0,00	Phương Hải
-	Nhà máy điện gió Hanbaram	2,84	2,84	2,84		0,00	Xuân Hải, Tân Hải
-	Đường dây 110kV TBA 220kV Tháp Chàm - Ninh Phước	0,19	0,19	0,19		0,00	Xuân Hải
-	Đường dây 110kv đấu nối dự án Nhà máy điện mặt trời Solar Farm 35MWp đấu nối trạm 110kv Ninh Hải.	0,55	0,55	0,02		0,53	Nhơn Hải, Tri Hải, Phương Hải
-	Cải tạo nâng tiết điện ĐD 110kV Đa Nhim -	0,65	0,65	0,01		0,64	Xuân Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
	Trạm 220kV Tháp Chàm.						
-	Cải tạo nâng tiết diện dây đường dây 110 kV Trạm 220kV Tháp Chàm - Ninh Hải.	0,02	0,02	0,02		0,00	Phương Hải
-	Công trình Phân pha dây dẫn đường dây 110KV 174 Tháp Chàm 2- 171 Tháp Chàm	0,15	0,15	0,15		0,00	Hộ Hải, Tân Hải
-	Điện gió Đầm Nại 3	2,79	2,79	2,79		0,00	Phương Hải
-	Dự án cụm nhà máy điện gió trên biển Ninh Thuận (Hạng mục: Đất xây dựng trạm 220kV Thanh Hải, nhà quản lý vận hành, giao thông)	7,00	7,00			7,00	Thanh Hải
-	Dự án cụm nhà máy điện gió trên biển Ninh Thuận (Hạng mục: Đất xây dựng móng trụ 220kV)	10,00	10,00			10,00	Thanh Hải
-	Nhà máy điện gió Nhơn Hải	45,62	45,62			45,62	Nhơn Hải, Tri Hải
d	Đất xây dựng cơ sở giáo dục, văn hóa, thể thao						
-	Phân hiệu Đại học Nông lâm TP HCM	60,00	56,11	4,63		51,48	Khánh Hải
-	Nâng cấp, mở rộng Đài liệt sĩ huyện Ninh Hải	0,11	0,11			0,11	Khánh Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
-	Dự án xây dựng khu tưởng niệm Bác Hồ	9,80	9,80	7,22		2,58	Khánh Hải
-	Quy hoạch mới sân vận động Khánh Hải (gồm cả đường giao thông)	3,33	3,33			3,33	Khánh Hải
-	Dự án xây dựng Nhà văn hóa cộng đồng của đồng bào Chăm khu vực thôn Phước Nhơn	0,18	0,18			0,18	Xuân Hải
e	Khu đô thị						
-	Khu đô thị mới Khánh Hải	27,00	27,00			27,00	Khánh Hải
-	Khu chỉnh trang bờ kè phía Nam Lạch Tri Thủy (A10)	0,20	0,20			0,20	Khánh Hải
-	Khu quy hoạch chi tiết xây dựng chỉnh trang khu dân cư thị trấn Khánh Hải	0,39	0,39	0,12		0,27	Khánh Hải
-	Khu đô thị mới ven bờ Tây Bắc Đầm Nại (Khu 1 thuộc Khu đô thị mới ven Đầm Nại)	91,41	91,41			91,41	Tân Hải, Hộ Hải
-	Khu đô thị vườn phát triển mới phía Tây Nam Đầm Nại (Khu 4.1 thuộc Khu đô thị mới ven Đầm Nại)	63,02	63,02			63,02	Khánh Hải
-	Khu đô thị vườn phát triển mới phía Tây Nam Đầm Nại (Khu 4.2 thuộc Khu đô thị mới ven Đầm Nại)	98,15	1,87			1,87	Khánh Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
-	Khu nhà vườn trồng cây ăn quả (Khu 5 thuộc Khu đô thị mới ven Đầm Nại)	98,00	7,30			7,30	Khánh Hải
-	Đất xây dựng siêu thị (thuộc QH Khu 5, khu nhà vườn trồng cây ăn quả - đô thị mới ven Đầm Nại)	0,78	0,78			0,78	Khánh Hải
-	Khu đô thị Đông Văn Sơn-Bắc Bình Sơn	7,37	7,37			7,37	Khánh Hải
-	Khu đô thị Thanh Hải 1	123,78	123,78			123,78	Thanh Hải, Nhơn Hải
-	Khu đô thị Thanh Hải 2	103,67	103,67			103,67	Thanh Hải, Nhơn Hải
-	Khu đô thị nghỉ dưỡng sinh thái biển quốc tế Mỹ Hòa	141,00	141,00			141,00	Vĩnh Hải
g	Khu dân cư nông thôn						
-	Hạ tầng khu quy hoạch điểm dân cư An Nhơn (giai đoạn 2)	6,19	6,19	6,19			Xuân Hải
-	Quy hoạch khu dân cư An Nhơn	31,95	31,95	4,37		27,58	Xuân Hải
-	Quy hoạch khu dân cư thôn An Hòa và thôn Thành Sơn	22,92	22,92	1,57		21,35	Xuân Hải
-	Quy hoạch chỉnh trang KDC thôn Phước	2,51	2,51	2,51			Xuân Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
	Nhon 1						
-	Quy hoạch chỉnh trang KDC thôn Phước Nhon 2	10,13	10,13			10,13	Xuân Hải
-	Quy hoạch chỉnh trang KDC thôn Phước Nhon 3	8,24	8,24			8,24	Xuân Hải
-	Khu dân cư Đồng Giữa, xã Hộ Hải	8,62	8,62			8,62	Hộ Hải
-	Khu dân cư Đồng Miếu, xã Hộ Hải	4,69	4,69			4,69	Hộ Hải
-	Quy hoạch chỉnh trang KDC Hộ Diêm	14,55	14,55			14,55	Hộ Hải
-	Xây dựng hoàn thiện khu Tái định cư QL 1A theo QH chi tiết 1/500 (tổng DT quy hoạch 15,74 ha, đã xây dựng 1,73 ha)	14,01	14,01			14,01	Hộ Hải
-	Khu dân cư dọc hai bên đường 3-2 xã Tân Hải	11,95	11,95	2,56		9,39	Tân Hải
-	Quy hoạch chỉnh trang KDC Thủy Lợi	11,04	11,04			11,04	Tân Hải
-	Quy hoạch khu trung tâm xã Tân Hải	15,17	15,17			15,17	Tân Hải
-	Điểm dân cư nông thôn xã Phương Hải	7,34	7,34			7,34	Phương Hải
-	Quy hoạch KDC Phương Cựu 3	6,30	6,30			6,30	Phương Hải
-	Khu dân cư Tân An	14,67	14,67			14,67	Tri Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất			Địa điểm	
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng		Đất khác
-	Khu dân cư Khánh Hội	7,93	7,93			7,93	Tri Hải
-	Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư Tri Thủy (Bắc suối Rách)	15,00	15,00			15,00	Tri Hải
-	Khu dân cư dọc Tỉnh lộ 702 (gần chợ Mỹ Tường)	17,01	17,01			17,01	Nhon Hải
-	Quy hoạch khu vực ao Bàu Chùa	65,00	65,00			65,00	Nhon Hải
-	Quy hoạch khu dân cư Gò Sạn	79,01	79,01			79,01	Nhon Hải
-	Khu dân cư Mỹ Tân, xã Thanh Hải	15,22	15,22			15,22	Thanh Hải
-	Quy hoạch chỉnh trang KDC Mỹ Hiệp	13,77	13,77			13,77	Thanh Hải
-	Quy hoạch chỉnh trang KDC Mỹ Phong	14,16	14,16			14,16	Thanh Hải
-	Quy hoạch KDC mới dọc đường 702 (đoạn đi qua thôn Mỹ Hòa, Thái An)	22,00	22,00			22,00	Vĩnh Hải
-	Quy hoạch khu dân cư thôn Cầu Gãy và thôn Đá Hang	6,00	6,00			6,00	Vĩnh Hải
	Quy hoạch mở rộng khu dân cư thôn Thái An (Ấp Nam)	7,19	7,19			7,19	Vĩnh Hải
h	Đất xây dựng trụ sở cơ quan					0,00	
-	Chuyển đất công an huyện cũ sang đất trụ	0,47	0,47			0,47	Khánh Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
	sở cơ quan						
-	Trụ sở bảo hiểm xã hội Ninh Hải	0,22	0,22	0,22			Khánh Hải
-	Trụ sở làm việc Chi cục thuế Khu vực Ninh Hải-Thuận Bắc	0,25	0,25	0,25			Khánh Hải
-	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước huyện Ninh Hải	0,25	0,25	0,25			Khánh Hải
-	Trụ sở làm việc Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải	0,25	0,25	0,25			Khánh Hải
-	Trung tâm hành chính mới của huyện Ninh Hải	30,00	30,00			30,00	Thanh Hải
g	Đất xây dựng chợ						
-	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ Xuân Hải và phân bổ sung phần đất thuộc hành lang ATGT dọc TL705	0,52	0,52	0,52			Xuân Hải
-	Xây dựng chợ xã Nhơn Hải	0,50	0,50			0,50	Nhơn Hải
-	Quy hoạch xây dựng chợ Lương Cách	0,20	0,10			0,10	Hộ Hải
-	Quy hoạch xây dựng chợ Gò Đền	0,20	0,13			0,13	Tân Hải
i	Đất cụm công nghiệp và đất cơ sở sản xuất					0,00	

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất			Địa điểm	
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng		Đất khác
	phi nông nghiệp						
-	Chuỗi dịch vụ hậu cần nghề cá công nghệ cao Ninh Thuận	4,14	4,14			4,14	Khánh Hải
-	Cụm công nghiệp Tri Hải	40,00	40,00			40,00	Tri Hải
-	Khu giết mổ gia súc tập trung	1,90	1,90			1,90	Tri Hải
l	Đất nghĩa trang						
-	Quy hoạch di dời nghĩa trang Mỹ Hiệp (QH đất thương mại dịch vụ)	1,98	1,98			1,98	Thanh Hải
-	Quy hoạch mở rộng nghĩa trang Mỹ Tường	4,50	4,50			4,50	Thanh Hải
-	Mở rộng nghĩa địa xã Xuân Hải (thôn An Xuân)	14,43	14,43			14,43	Xuân Hải
-	QH bãi đậu xe khu vực Nghĩa trang đồng bào Chăm thôn An Nhơn	0,17	0,17			0,17	Xuân Hải
-	Nghĩa Trang sinh thái Tri Hải	7,77	7,77			7,77	Tri Hải
m	Đất bãi thải, xử lý chất thải						
-	Khu xử lý chất thải rắn huyện Ninh Hải (Hòn Ngang, Nhơn Hải)	10,00	10,00			10,00	Nhơn Hải
-	Mở rộng bãi rác An Xuân	5,00	2,49			2,49	Xuân Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
-	Mở rộng diện tích bãi rác thôn Vĩnh Hy	2,00	1,57			1,57	Vĩnh Hải
-	Mở rộng diện tích bãi rác thôn Thái An	2,00	1,29			1,29	Vĩnh Hải
-	Mở rộng diện tích bãi rác thôn Mỹ Hòa	2,00	1,68			1,68	Vĩnh Hải
n	Các dự án phát triển sản xuất nông nghiệp						
-	Trung tâm hỗ trợ sản xuất (Trại giống An Xuân)	2,00	2,00	2,00			Xuân Hải
-	Trung tâm hỗ trợ sản xuất (đọc đường tỉnh 702)	5,00	5,00			5,00	Nhon Hải
-	Dự án trồng nho ứng dụng công nghệ cao, kết hợp du lịch sinh thái tham quan vườn nho	340,00	340,00			340,00	Vĩnh Hải
-	Dự án sản xuất vùng nông nghiệp công nghệ cao Phước Trung	400,00	400,00	1,92		398,08	Xuân Hải
-	Quy hoạch vùng nuôi tôm giống tập trung tại xã Nhon Hải	104,41	31,02			31,02	Nhon Hải
-	Dự án trồng rau, hành, tỏi ứng dụng công nghệ cao Nhon Hải	100,00	100,00			100,00	Nhon Hải
II.2	Khu vực cần giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để	57,72	52,62	2,10	0,00	50,57	Ninh Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
	thực hiện dự án đầu tư (theo Điều 57 và Điều 58 của Luật đất đai 2013)						
-	Cửa hàng xăng dầu Đức Bình	0,11	0,11			0,11	Tri Hải
-	Cửa hàng xăng dầu Ngọc Như Ý	0,12	0,12			0,12	Tri Hải
-	Cửa hàng xăng dầu Tường An	0,41	0,41			0,41	Nhon Hải
-	Cửa hàng xăng dầu dọc TL 702 (thôn Mỹ Hòa)	0,27	0,27			0,27	Vĩnh Hải
-	Cửa hàng xăng dầu dọc TL 702 (thôn Thái An)	0,51	0,51			0,51	Vĩnh Hải
-	Khu công cộng thương mại, dịch vụ thôn Thái An	2,20	2,20			2,20	Vĩnh Hải
-	Khu vực phát triển du lịch ven biển thôn Thái An	16,65	16,65			16,65	Vĩnh Hải
-	Trung tâm thương mại Khánh Hải	2,10	2,1	2,10			Khánh Hải
-	Dự án Ninh Chữ Sailing Bay	5,10					Tri Hải
-	Khu du lịch, dịch vụ dọc đường tỉnh 702 (liền kề Ninh Chữ Sailing Bay)	7,19	7,19			7,19	Tri Hải
-	Quy hoạch di dời nghĩa trang Mỹ Hiệp làm đất thương mại dịch vụ	1,98	1,98			1,98	Thanh Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất			Địa điểm	
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng		Đất khác
-	Dự án Ninh Thuận Star Destinnation	8,49	8,49			8,49	Thanh Hải
-	Quy hoạch bán đấu giá khu đất sân vận động huyện Ninh Hải	2,23	2,23			2,23	Khánh Hải
-	Giao đất khu dân cư Khu sân lúa đội 8	0,20	0,20			0,20	Hộ Hải
-	Giao đất khu dân cư Tri Thủy 2	1,48	1,48			1,48	Tri Hải
-	Giao đất khu dân cư 3 cây dừa	1,72	1,72			1,72	Nhon Hải
-	Giao đất xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Khánh Nhơn	0,05	0,05			0,05	Nhon Hải
-	Giao đất ở khu vực dọc bờ kè KDC thôn Thái An	0,20	0,20			0,20	Vĩnh Hải
-	Mở rộng Trạm Y tế xã Phương Hải	0,05	0,05			0,05	Phương Hải
-	Giao đất Chợ phương Hải	0,49	0,49			0,49	Phương Hải
-	Hoán đổi đất để xây dựng Trụ sở thôn Gò Gũ	0,02	0,02			0,02	Hộ Hải
-	Hóan đổi đất công ích cho các hộ có đất thu hồi làm bãi đậu xe khu vực nghĩa trang đồng bào Chăm thôn An Nhơn, Xuân Hải	0,17	0,17			0,17	Xuân Hải
-	Hoán đổi đất công ích để thu hồi đất sản xuất muối của hộ Nguyễn Thành Long	2,57	2,57			2,57	Tri Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
-	Giao đất xây dựng trường tiểu học Khánh Hội	0,66	0,66			0,66	Tri Hải
-	Cho thuê đất (dự án Khu du lịch, khách sạn và giải trí phức hợp Khánh Hải tại thị trấn Khánh Hải,)	1,60	1,60			1,60	Khánh Hải
-	Khu vực Bãi cát ven biển Ninh Chữ phục vụ dự án du lịch	0,84	0,84			0,84	Khánh Hải
-	Bán đấu giá quyền sử dụng đất Trụ sở khu phố Khánh Sơn 1	0,01	0,01			0,01	Khánh Hải
-	Bán đấu giá quyền sử dụng đất Mẫu Giáo Khánh Hải cơ sở Khánh Chữ 2 cũ (Gần Đài Tưởng niệm huyện)	0,01	0,01			0,01	Khánh Hải
-	Bán đấu giá quyền sử dụng đất Mẫu Giáo Khánh Hải cũ cơ sở Khánh Giang (Gần Chợ Dư Khánh)	0,01	0,01			0,01	Khánh Hải
-	Bán đấu giá quyền sử dụng đất Trường Tiểu học Khánh Hội (cơ sở Khánh Tường)	0,33	0,33			0,33	Tri Hải
II.3	Quy hoạch cho hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất thời kỳ 2021-2030	250,68	250,68	171,32	0,00	79,36	Ninh Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
-	Chuyển đất chuyên trồng lúa sang đất trồng cây hàng năm khác	13,28	13,28	13,28			Hộ Hải
-	Chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất trồng hàng năm khác	50,18	50,18	50,18			Xuân Hải
-	Chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất trồng hàng năm khác	57,94	57,94	57,94			Tri Hải
-	Chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất trồng hàng năm khác	34,42	34,42	34,42			Phương Hải
-	Chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất trồng cây lâu năm	3,05	3,05	3,05			Tri Hải
-	Chuyển đất trồng cây hàng năm khác sang đất nông nghiệp khác để phát triển chăn nuôi tập trung	20,00	20,00			20,00	Xuân Hải
-	Chuyển đất làm muối sang đất nông nghiệp khác	3,92	3,92			3,92	Tri Hải
-	Chuyển đất trồng cây hàng năm khác sang đất nông nghiệp khác	18,79	18,79			18,79	Tri Hải
-	Chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất cơ sở sản xuất nông nghiệp dọc hai bên tuyến đường tỉnh 704 nối dài	8,50	8,50	6,00		2,50	Phương Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
-	Chuyển đất trồng cây hàng năm khác sang đất nông nghiệp khác khu vực thôn Khánh Phước	2,18	2,18			2,18	Nhon Hải
-	Quy hoạch đất thương mại, dịch vụ dọc tuyến QL 1A đoạn qua xã Hộ Hải cho dân chuyển mục đích (phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng TP Phan Rang Tháp Chàm - theo quyết định số 151/QĐUBND ngày 22 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh)	9,05	9,05	3,84		5,21	Hộ Hải
-	Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ xã Tân Hải	2,08	2,08			2,08	Tân Hải
-	Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Các thửa số 55, 56, 57, 70, 71, 86, 122, 155 tờ BĐ số 4-2 + thửa số 1 tờ BĐ 4-4 + các thửa 64, 68, 52 tờ BĐ số 4 - thuộc thôn Vĩnh Hy)	2,00	2,00			2,00	Vĩnh Hải
-	Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ (đọc tỉnh lộ 702)	2,20	2,20			2,20	Tri Hải
-	Mở rộng cơ sở sản xuất đá Granit	1,60	1,60			1,60	Nhon Hải

TT	Tên dự án	Tổng DT của dự án (ha)	Trong đó: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất				Địa điểm
			Tổng số	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác	
-	Chuyển mục đích sang đất ở đô thị trong khu quy hoạch chi tiết xây dựng chính trang khu dân cư thị trấn Khánh Hải, dọc TL 704 và đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư hiện hữu thuộc quy hoạch chính trang đô thị Khánh Hải	4,39	4,39	0,41		3,98	Khánh Hải
-	Chuyển mục đích đất nông nghiệp trong KDC sang đất ở thôn Gò Thao, Gò Đền	3,10	3,10	2,20		0,90	Tân Hải
-	CMĐ đất nông nghiệp trong KDC sang đất ở thôn Lương Cách, Đá Bẩn, Ninh Căn	2,00	2,00			2,00	Hộ Hải
-	Chuyển mục đích đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	2,00	2,00			2,00	Xuân Hải
-	Chuyển mục đích đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	2,00	2,00			2,00	Phương Hải
-	Chuyển mục đích đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	2,00	2,00			2,00	Nhon Hải
-	Chuyển mục đích đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	2,00	2,00			2,00	Thanh Hải
-	Chuyển mục đích đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở	2,00	2,00			2,00	Vĩnh Hải

6. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

- Đất nông nghiệp: Năm 2020 huyện Ninh Hải có 20.947,25 ha đất nông nghiệp. Trong kỳ quy hoạch diện tích không thay đổi mục đích sử dụng đất 19.713,12ha; Đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng cho mục đích đất phi nông nghiệp 1.234,14ha; Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất nông nghiệp trong kỳ quy hoạch là 35,88ha.

Đến năm 2030 huyện Ninh Hải có 19.749ha đất nông nghiệp, chiếm 77,88% diện tích tự nhiên. Phân bố trên địa bàn TT Khánh Hải 94,37ha, các xã Tân Hải 472,68ha, Hộ Hải 760,67ha, Xuân Hải 1722,1ha, Phương Hải 760,97ha, Tri Hải 1.476,34ha, Nhơn Hải 2.401,5ha, Thanh Hải 405,41ha, Vĩnh Hải 11.654,96ha.

- Đất phi nông nghiệp: Năm 2020 huyện Ninh Hải có 3.565,21 ha đất phi nông nghiệp. Trong kỳ quy hoạch diện tích đất phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng đất so với năm 2020 là 3.550,41ha; Diện tích đất phi nông nghiệp chuyển sang sử dụng cho mục đích đất nông nghiệp 14,8 ha; Diện tích các loại đất khác chuyển sang đất phi nông nghiệp trong kỳ quy hoạch là 1.352,84ha, bao gồm: chuyển từ đất nông nghiệp 1.234,14 ha, chuyển từ đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp 118,7ha.

Đến năm 2030 huyện Ninh Hải có 4.903,25ha đất phi nông nghiệp, chiếm 19,33% diện tích tự nhiên. Phân bố trên địa bàn thị trấn Khánh Hải 1.023,65ha, các xã Tân Hải 402,03 ha, Hộ Hải 437,04ha, Xuân Hải 515,46ha, Phương Hải 330,4ha, Tri Hải 655,02ha, Nhơn Hải 603,85ha, Thanh Hải 239,87ha, Vĩnh Hải 695,93ha.

- Đất chưa sử dụng: Năm 2020 huyện Ninh Hải có 845,62 ha đất chưa sử dụng. Trong kỳ quy hoạch dự kiến khai thác 139,78 ha đất chưa sử dụng để sử dụng cho các mục đích đất nông nghiệp 21,08ha, đất phi nông nghiệp 118,7ha. Đến năm 2030 huyện Ninh Hải còn lại 705,84ha đất chưa sử dụng, chiếm 2,79% diện tích tự nhiên. Phân bố trên địa bàn các xã Tân Hải 1,08ha, Hộ Hải 13,34ha, Xuân Hải 13,49ha, Phương Hải 2,98ha, Tri Hải 558,63ha, Nhơn Hải 86.21ha, Thanh Hải 1,35ha, Vĩnh Hải 28,76ha.

Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 phân theo địa bàn các xã, thị trấn như sau:

Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 phân theo địa bàn các xã, thị trấn

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính								
			Khánh Hải	Tân Hải	Hộ Hải	Xuân Hải	Phương Hải	Tri Hải	Nhon Hải	Thanh Hải	Vĩnh Hải
(1)	(2)	(3)=(4)+..(12)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Tổng diện tích tự nhiên	25358,09	1118,02	875,79	1211,05	2251,05	1094,35	2689,99	3091,56	646,63	12379,65
1	Đất nông nghiệp	19749,00	94,37	472,68	760,67	1722,10	760,97	1476,34	2401,50	405,41	11654,96
1.1	Đất trồng lúa	1790,00		225,00	465,00	705,00	395,00				
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	1790,00		225,00	465,00	705,00	395,00				
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2025,24	14,17	19,00	74,38	308,62	72,01	349,95	949,05	205,61	32,45
1.3	Đất trồng cây lâu năm	1143,25	71,89	0,23	36,49	207,77	2,43	5,91	212,56	39,22	566,75
1.4	Đất rừng phòng hộ	1836,80		6,44	4,33		9,17	25,50	662,97	152,59	975,80
1.5	Đất rừng đặc dụng	10078,16									10078,16
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	591,10	8,31	222,01	170,87	13,85	120,10	49,15	4,13	2,68	
1.7	Đất làm muối	1564,50					159,54	1013,77	391,19		
1.8	Đất nông nghiệp khác	719,95			9,60	486,86	2,72	32,06	181,60	5,31	1,80
2	Đất phi nông	4903,25	1023,65	402,03	437,04	515,46	330,40	655,02	603,85	239,87	695,93

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính								
			Khánh Hải	Tân Hải	Hộ Hải	Xuân Hải	Phương Hải	Tri Hải	Nhon Hải	Thanh Hải	Vĩnh Hải
(1)	(2)	(3)=(4)+...(12)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	nghịệp										
2.1	Đất quốc phòng	80,41	2,63		4,56			62,25	6,36	3,49	1,12
2.2	Đất an ninh	3,32	2,24	0,12	0,13	0,12	0,12	0,13	0,16	0,10	0,20
2.3	Đất cụm công nghiệp	30,00						30,00			
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	382,14	73,98	14,11	15,17	5,04		26,14	24,98	43,87	178,85
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	83,14	2,70	0,16	7,47		8,70	34,99	24,73	4,01	0,38
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	5,23				1,92			3,31		
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2095,30	546,90	174,59	180,46	248,31	139,24	166,10	298,48	84,29	256,93
	Đất giao thông	901,68	110,60	100,74	71,25	141,24	49,05	86,83	124,20	36,56	181,21
	Đất thủy lợi	348,80	4,05	47,91	72,89	55,36	53,17	14,87	43,70	8,20	48,65
	Đất cơ sở văn hóa	23,49	15,49	5,11	0,32	0,05	0,36	0,06	0,07	1,29	0,74
	Đất cơ sở y tế	4,81	3,00	0,31	0,18	0,16	0,06	0,12	0,25	0,16	0,57
	Đất cơ sở giáo dục	137,79	82,65	10,74	16,01	8,62	2,31	3,50	6,35	2,41	5,20

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính								
			Khánh Hải	Tân Hải	Hộ Hải	Xuân Hải	Phương Hải	Tri Hải	Nhon Hải	Thanh Hải	Vĩnh Hải
(1)	(2)	(3)=(4)+...(12)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Đất cơ sở thể thao	47,17	27,25	5,44	0,40	2,94	1,69	2,12	1,07	2,58	3,68
	Đất CT năng lượng	126,64	0,36	1,00	0,08	2,91	17,57	17,67	70,02	17,00	0,03
	Đất CT viễn thông	1,47	0,23		0,31	0,10	0,04	0,01	0,06	0,27	0,45
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	262,89	262,34						0,55		
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	21,00				5,00			10,00		6,00
	Đất cơ sở tôn giáo	21,98	6,16	3,07	2,25	1,89	0,14	3,39	4,31		0,77
	Đất làm nghĩa trang	191,28	32,86		16,16	29,42	13,92	36,99	36,86	15,73	9,34
	Đất CS dịch vụ XH	0,25						0,25			
	Đất chợ	6,05	1,91	0,27	0,61	0,62	0,93	0,29	1,04	0,09	0,29
2.8	Đất SH cộng đồng	4,52	0,53	0,27	0,37	1,54	0,26	0,25	0,57	0,50	0,23
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	164,39	70,82	6,16	7,59	10,67	0,52	2,47	5,29	7,74	53,13
2.10	Đất ở tại nông thôn	832,07		88,95	120,92	205,91	48,44	93,83	145,13		128,89
2.11	Đất ở tại đô thị	229,18	150,56							78,62	
2.12	Đất trụ sở cơ quan	19,97	6,85	0,49	0,29	0,22	0,37	0,25	0,47	10,68	0,35
2.13	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	2,50	0,58	0,05	0,03	0,21		0,11			1,52

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính								
			Khánh Hải	Tân Hải	Hộ Hải	Xuân Hải	Phương Hải	Tri Hải	Nhon Hải	Thanh Hải	Vĩnh Hải
(1)	(2)	(3)=(4)+...(12)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2.14	Đất cơ sở tín ngưỡng	9,61	1,03			0,41	0,49	1,19	0,93	4,79	0,77
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	164,30				39,24	6,84	46,25	43,82		28,15
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	793,67	164,83	116,57	99,21	0,58	124,75	190,92	49,62	1,78	45,41
2.17	Đất phi nông nghiệp khác	3,50		0,56	0,84	1,29	0,67	0,14			
3	Đất chưa sử dụng	705,84		1,08	13,34	13,49	2,98	558,63	86,21	1,35	28,76

7. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch 2021-2030

- Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp 1.234,14ha, trong đó: Đất trồng lúa 172,7 ha, đất trồng cây hàng năm khác 442,13 ha, đất trồng cây lâu năm 96,44ha, đất rừng phòng hộ 49,25ha, đất rừng đặc dụng 103,69ha, đất nuôi trồng thủy sản 244,79ha, đất làm muối 106,03ha, đất nông nghiệp khác 19,11ha.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp 1.329,08ha,

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 24,58ha.

Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch phân theo xã, thị trấn như sau:

Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch phân theo xã, thị trấn

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính								
			Khánh Hải	Tân Hải	Hộ Hải	Xuân Hải	Phương Hải	Tri Hải	Nhon Hải	Thanh Hải	Vĩnh Hải
(1)	(2)	(3)=(4)+(..)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	1234,14	281,74	110,58	77,69	113,69	32,43	84,21	147,08	57,29	329,43
1.1	Đất trồng lúa	172,70	48,80	36,29	30,55	27,29	18,52	0,38			10,87
	<i>Tr.đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	172,32	48,80	36,29	30,55	27,29	18,52				10,87
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	442,13	28,35	2,44	12,41	79,46	2,63	30,12	127,78	57,07	101,87
1.3	Đất trồng cây lâu năm	96,44	47,78	0,75	0,27	0,06			4,74		42,84
1.4	Đất rừng phòng hộ	49,25			1,38						47,87
1.5	Đất rừng đặc dụng	103,69									103,69
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	244,79	122,26	71,10	32,94	0,10	0,48	1,55	0,15		16,21
1.7	Đất làm muối	106,03	34,00				10,30	51,67	10,06		
1.8	Đất nông nghiệp khác	19,11	0,55		0,14	6,78	0,50	0,49	4,35	0,22	6,08
2	Chuyển đổi cơ cấu	1329,08	32,58	15,12	26,56	775,82	68,84	144,69	130,86		134,61

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính								
			Khánh Hải	Tân Hải	Hộ Hải	Xuân Hải	Phương Hải	Tri Hải	Nhon Hải	Thanh Hải	Vĩnh Hải
(1)	(2)	(3)=(4)+(..)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp										
	<i>Trong đó:</i>										
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	143,82	7,18			130,60		3,05			2,99
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	24,58	11,89	1,56	0,85			3,82	1,16	4,00	1,30

8. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất nông nghiệp 21,08ha.
- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất phi nông nghiệp 118,7ha.

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch phân theo địa bàn các xã như sau:

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch phân theo địa bàn các xã

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính								
			Khánh Hải	Tân Hải	Hộ Hải	Xuân Hải	Phương Hải	Tri Hải	Nhon Hải	Thanh Hải	Vĩnh Hải
1	Đất nông nghiệp	21,08	14,13			2,43			1,26		3,26

CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Giải pháp về chính sách: Triển khai kịp thời các chính sách Pháp luật về quản lý đất đai, tổ chức thực hiện tốt những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của ngành Tài nguyên và Môi trường và của UBND tỉnh. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về giao đất, cho thuê đất; đền bù, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư... và thực hiện đảm bảo công bằng, bình đẳng giữa quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; đồng thời đảm bảo được tiến độ thực hiện những công trình, dự án theo quy hoạch; nhất là những công trình giao thông, các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện. Cải cách và công khai hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực giao cấp đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký nhu cầu sử dụng đất.
- Giải pháp về quản lý sử dụng đất: khuyến khích việc tích tụ ruộng đất phát triển nông nghiệp quy mô lớn, xây dựng các mô hình sản xuất tập trung, chuyên canh, có hiệu quả; hình thành các HTX, tổ hợp tác để tập trung ruộng đất sản xuất có tính liên kết gắn giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả, thực hiện chuyển đổi cơ cấu lao động theo hướng giảm lao động nông nghiệp bổ sung sang lao động ngành nghề TTCN và dịch vụ. Việc bố trí sử dụng đất sản xuất phi nông nghiệp theo kế hoạch cần gắn với quy hoạch chi tiết. Bố trí sử dụng đất sản xuất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn cần tập trung thúc đẩy quá trình hình thành các khu dân cư, phát huy hiệu quả tổng hợp các nguồn vốn đầu tư, đảm bảo việc sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.
- Giải pháp về vốn đầu tư: Tích cực huy động các nguồn vốn, tập trung huy động các nguồn vốn sau: Vốn ngân sách nhà nước, vốn tự có của các doanh nghiệp, vốn trong dân cư, vốn tín dụng. Cân đối các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; nguồn vốn ngân sách chủ yếu dành cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội. Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp; đây là nguồn vốn có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế để huy động nguồn vốn này cần phải: Thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, có cơ chế chính sách phù hợp để khuyến khích các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh trên địa bàn; Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập doanh nghiệp mới, tạo môi trường cho người dân bỏ vốn vào đầu tư sản xuất.
- Nguồn vốn huy động trong dân, để huy động nguồn vốn này cần tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, củng cố phát triển hệ thống dịch vụ tư vấn, tài chính ngân hàng huy động tốt các nguồn vốn

nhân rồi trong dân; thực hiện tốt công tác xã hội hoá, khuyến khích nhân dân tham gia các hoạt động phát triển hạ tầng. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và vốn từ các doanh nghiệp ngoài tỉnh, nguồn vốn này có một vị trí rất quan trọng, việc thu hút đầu tư bên ngoài là cơ hội để đổi mới công nghệ, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật, mở rộng thị trường. Để có thể huy động được nguồn vốn này cần tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư; tăng cường công tác quảng bá hình ảnh, tiếp thị địa phương, xúc tiến đầu tư để giới thiệu tiềm năng, lợi thế kết hợp các hình thức liên danh liên kết để thu hút đầu tư. Vốn tín dụng: để bổ sung vốn đầu tư cho các dự án thuộc các nguồn vốn trên, để bảo đảm cho các dự án hoạt động hiệu quả.

Thực hiện tốt công tác quản lý thu, chi từ nguồn tài chính về đất đai đặc biệt là việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực: Tăng đầu tư cho giáo dục, đào tạo và dạy nghề, khuyến khích, hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên đào tạo đội ngũ nhân lực phục vụ phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, đào tạo lao động cung cấp cho các cụm công nghiệp, đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn. Nghiên cứu có chính sách ưu đãi như ưu tiên giao đất, cho thuê đất, hỗ trợ đầu tư xây dựng một phần hạ tầng ngoài tường rào đối với các dự án trường đại học, trường đào tạo nghề đạt đẳng cấp quốc tế xây dựng trên địa bàn. Trước hết, bố trí đủ diện tích đất theo quy hoạch cho trường chuyên nghiệp, dạy nghề và phổ thông các cấp theo đúng định mức chuẩn quốc gia. Xây dựng và phát triển đội ngũ lao động kỹ thuật lành nghề trình độ cao trong các ngành, lĩnh vực và sản phẩm mũi nhọn, lợi thế của huyện. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục đào tạo, hoàn thiện hệ thống các cơ sở giáo dục và dạy nghề để đáp ứng yêu cầu về nguồn lao động cho phát triển của địa phương. Thực hiện mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo để thực hiện đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, Nhà nước. Thực hiện hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo cho các đối tượng chính sách, hỗ trợ cho nông dân chuyển đổi nghề nghiệp. Đào tạo đội ngũ quản lý trong doanh nghiệp, thông qua các chương trình hỗ trợ đào tạo của Chính phủ và các chương trình hỗ trợ khác của Nhà nước.

- Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ: Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, sử dụng công nghệ nhiều tầng, ưu tiên công nghệ hiện đại, kết hợp với công nghệ truyền thống phù hợp với trình độ sản xuất của huyện. Đầu tư

hợp lý trang thiết bị phục vụ công tác quản lý khoa học công nghệ, đáp ứng kịp thời các nghiên cứu triển khai và điều tra cơ bản. Đổi mới chính sách cán bộ đối với đội ngũ lao động khoa học công nghệ trên cơ sở tạo môi trường hoạt động khoa học công nghệ. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư cho khoa học công nghệ, trong đó ưu tiên hỗ trợ các dự án áp dụng công nghệ mới, chuyển giao công nghệ, áp dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Củng cố và nâng cao hệ thống thông tin về đất đai, ứng dụng công nghệ viễn thám trong việc kiểm tra giám sát sử dụng đất.

- Giải pháp về quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Tăng cường sự phối kết hợp chặt chẽ trong quá trình lập, thực hiện giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh với quy hoạch sử dụng đất và với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực để nâng cao tính thực tiễn, hiệu quả sử dụng đất. Thực hiện phổ biến công khai, tuyên truyền rộng rãi phương án quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt cho các cấp, ngành và mọi người biết để thực hiện. Tổ chức các cuộc hội thảo giữa các cấp quản lý với các doanh nghiệp, nhà đầu tư để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, người dân có nhu cầu sử dụng đất nhằm tạo điều kiện thuận lợi đầu tư sản xuất kinh doanh. Giao đất theo đúng tiến độ, khả năng khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất. Kết hợp các biện pháp về chính sách, biện pháp mệnh lệnh hành chính với thuyết phục; có kế hoạch và thời hạn tối đa để thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ của dự án. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất theo quy hoạch; xử lý triệt để các trường hợp sử dụng đất trái với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt và trường hợp người sử dụng đất không sử dụng hoặc sử dụng sai mục đích. Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Ninh Hải đảm bảo được cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học của việc lập quy hoạch sử dụng đất theo quy định của Pháp Luật về quản lý đất đai.

Quy hoạch sử dụng đất của huyện Ninh Hải đã xác định các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ đến từng đơn vị cấp

xã, thị trấn đồng thời xác định bổ sung nhu cầu sử dụng đất của địa phương nhằm mục tiêu đến năm 2030 đạt được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện. Các chỉ tiêu sử dụng đất được tính toán trên cơ sở các thông tin, số liệu, dữ liệu đảm bảo tính pháp lý, khoa học và thực tiễn sử dụng trong việc lập quy hoạch sử dụng đất.

Quy hoạch sử dụng đất huyện Ninh Hải đảm bảo quỹ đất cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp, du lịch và dịch vụ đạt hiệu quả cao; hiệu quả của kinh tế của phương án quy hoạch sử dụng đất còn thể hiện theo dự kiến thu chi từ đất, trong đó có việc chi bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đáp ứng yêu cầu an ninh lương thực, giải quyết quỹ đất ở, đất phục vụ cho mục đích công cộng; chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất hợp lý hơn, tạo công ăn việc làm cho người dân và việc làm mới được tạo ra từ việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất; khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn văn hoá dân tộc.

Quy hoạch sử dụng đất huyện Ninh Hải đề ra các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất đảm bảo có cơ sở khoa học và thực tiễn.

2. KIẾN NGHỊ

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Ninh Hải được lập trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, trong đó có một số khu dân cư quy hoạch chỉnh trang nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng nên việc xác định nhu cầu sử dụng đất được tính toán trên cơ sở bản đồ hiện trạng và cơ cấu sử dụng đất, do đó trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất cần liên tục cập nhật, bổ sung theo quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt.

- Hiện nay quy hoạch tỉnh Ninh Thuận chưa được phê duyệt do đó các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ (theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) đang tạm tính, sẽ được tổng hợp, điều chỉnh sau khi có chỉ tiêu phân bổ chính thức từ quy hoạch tỉnh phân bổ cho huyện Ninh Hải./.